CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 21 THÁNG 08 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						***260 984***	***98 150***	***160 354***			
I		**CẢNG CHÍNH**						**67 327**	**15 291**	**52 036**			
		Tàu đã làm hàng (trong cầu)						***18 820***	***15 291***	***3 529***			
1		THAN MIỀN NAM	15/08	1180/08		VIỆT THUẬN 12-07	CÁM 5A.1	12 600	12 260	340	20/08		
2		THAN SÔNG HỒNG	20/07	1058/07	31/07	BN 1809	CỤC XỐ 1C	1 000	992	8	20/08	TD	GIA HẠN L1
3		KDT HÀ BẮC	31/07	1049/06		BN 0937	CÁM 5A.1	1 170	1 166	4	20/08	PTCB	GIA HẠN L1
4		KDT HÀ BẮC	19/08	1185/08		BN 2555	CÁM 6A.1	2 950	873	2 077	DỠ	PTCB	
5		THAN UÔNG BÍ	20/08	1188/08		BN 2203	CỤC XỐ 1C	1 100		1 100	DỠ	TD	THAY TBGT SỐ 1176/8 NGÀY 14/8/2025
		Tàu đã làm lệnh (trong cầu)						***48 507***		***48 507***			
1		THAN SÔNG HỒNG	01/08	977/06	10/08	BN 2006	CỤC XỐ 1C	1 040		1 040			GIA HẠN L3
2		THAN MIỀN NAM	06/06	979/06		VT 095-01	CÁM 5A.1	8 750		8 750			
3		KDT HẢI PHÒNG	11/06	989/06	26/6	HP 5925	CÁN 5A.1	1 550		1 550		PTCB	
4		XD CN MỎ	01/07	991-B/06	08/07	BN 1835	CỤC XỐ1C	1 100		1 100		TD	
5		XD CN MỎ	17/06	1010/06	30/06	BN 2112	Cám 4b.1	1 200		1 200		TD	
6		KDT BẮC THÁI	29/07	1028/06	31/07	HD 2099	CÁM 1	1 980		1 980		TD	GIA HẠN L1
7		KDT BẮC THÁI	29/07	1029/06	31/07	BN 1869	CÁM 2A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
8		KDT BẮC THÁI	29/07	1030/06	31/07	BN 2508	CÁM 4A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
9		KDT HÀ BẮC	30/06	1047/06		BN 2168	CÁM 5A.1	1 000		1 000		PTCB	
10		THAN SÔNG HỒNG	06/08	1077/07	21/08	BN 1858	CỤC XỐ 1C	1 040		1 040		TD	
11		THẮNG LỢI 6668	18/07	1092/07		THẮNG LỢI 6668	CÁM 6A.14	5 000		5 000			
12		ĐẠM NINH BÌNH	27/07	1118/07		NB 8657	CÁM 4A.1	4 728		4 728			
13		KDT BẮC THÁI	30/07	1128/07		BN 1111	CÁM 1	1 986		1 986		TD	
14		KDT BẮC THÁI	30/07	1129/07		BN 2033	CÁM 2A.1	1 000		1 000		TD	
15		KDT BẮC THÁI	30/07	1130/07		BN 2276	CÁM 4A.1	1 000		1 000		TD	
16		KDT BẮC THÁI	31/07	1134/07		BN 1368	CỤC XỐ 1C	1 000		1 000		TD	
17		KDT MIỀN BẮC	01/08	1138/07	16/08	BN 2699	CÁM 1	1 900		1 900		TD	GIA HẠN L1
18		DVVT QUẢNG NINH	13/08	1139-B/08	31/08	BN 0766	CỤC XỐ 1C	1 200		1 200		TD	THAY TBGT SỐ 1139/8 NGÀY 01/8/2025
19		DVVT QUẢNG NINH	01/08	1140/08	16/08	BN 2635	CỤC XỐ 1C	900		900		TD	
20		ĐT TMDV VINACOMIN	01/08	1141/08	16/08	BN 0988	CỤC XỐ 1C	1 030		1 030		TD	
21		ĐT TMDV VINACOMIN	01/08	1142/08	16/08	BN 1348	CỤC XỐ 1C	993		993		TD	
22		CP HÀNG HẢI VN	02/08	1445/08	15/08	BN 2006	CỤC XỐ 1C	1 040		1 040		TD	
23		SÔNG HỒNG	03/08	1146/08		BN 1809	CỤC XỐ 1C	1 000		1 000		TD	
24		KDT BẮC THÁI	06/08	1158/08		BN 0746	CÁM 1	900		900		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 21 THÁNG 08 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
25		KDT CẦU ĐUỐNG	14/08	1177/08		BN 0719	CỤC XỔ 1C	1 000		1 000		TD	
26		CẦU ĐUỐNG	15/08	1181/08		BN 1758	CỤC XỔ 1C	1 000		1 000		TD	
27		CATALAN	19/08	1184/08		BN 1991	CỤC 5A.1	1 000		1 000			
28		KDT HÀ BẮC	19/08	1186/08		BN 0935	CÁM 6A.1	1 170		1 170		PTCB	
29		THAN SÔNG HỒNG	20/08	1187/08		BN 1799	CỤC XỔ 1C	1 000		1 000		TD	
	Tàu chuyển tải							**115 900**	**48 694**	**67 206**			
	Tàu đang làm hàng							***60 300***	***48 694***	***11 606***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	08/08	1165/08		HẢI NAM 85	CÁM 6A.10	30 800	29 600	1 200	DỠ		KDT CP:5.000 - CLM:15.000 - KVCP:10.800
2		ĐIỆN VŨNG ÁNG	11/08	1168-B/08		VIỆT THUẬN 30-05	CÁM 5A.14	29 500	19 094	10 406	DỠ		CLM:17.000 - KDT CP:12.500
	Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)							***55 600***		***55 600***			
1		THAN MIỀN NAM	15/07	1087/07		VIỆT THUẬN 095-01	CÁM 5A.1	4 500		4 500			
								4 100		4 100			
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	11/08	1171/08		VIỆT THUẬN OCEAN	CÁM 6A.1	47 000		47 000			
	KHO G9-HÓA CHẤT							**37 846**	**9 889**	**25 477**			
	Tàu đã làm hàng							***13 535***	***9 889***	***1 166***			
1		XD CN MỎ	16/8	647	31/8	HD 2095	CÁM 8B	1 980	1 951	29	20/8	TD	
2		CP VT&KD THAN	16/8	773	31/8	BN - 1816	CÁM 8B	1 000	996	4	20/8	TD	
3		CP ĐTTM&DV	19/8	798	31/8	BN - 2646	CÁM 8A	1 000	987	13	20/8	TD	
4		HÀ BẮC	19/8	813	31/8	BN - 1313	CÁM 7B	1 845	1 845		20/8	PT CB	
5		CP ĐTTM&DV	16/8	761	31/8	BN - 1883	CỤC 1C	1 200	1 194	6	20/8	TD	
6		CP ĐTTM&DV	16/8	778	31/8	BN - 2335	CỤC 1B	1 030	1 025	5	20/8	TD	
7		MIỀN TRUNG	19/8	821	31/8	HOÀNG ANH 36	CÁM 8A	3 000	1 893	1 107	dở	TD	
8		MIỀN BẮC	14/8	832	24/5	BN - 1348	CÁM 7C	993	395	598	dở	TD	
9		CP SX KD KS DỊCH VỤ CẢNG TNV - HẢI DƯƠN	16/8	648	31/8	BN - 1866	CÁM 8A	1 487	803	684	dở	TD	
	Tàu đã làm lệnh							***24 311***		***24 311***			
1		SÔNG HỒNG	01/8	50	15/8	BN - 2566	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
2		CP DVVT QNINH	01/8	52	15/8	BN - 2112	CỤC 1B	1 200		1 200		TD	
3		CP DVVT QNINH	02/8	71	16/8	BN - 2625	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
4		CP HÀNG HẢI VN	02/8	72	16/8	BN - 1899	CÁM 7C	1 980		1 980		TD	
5		SÔNG HỒNG	04/8	90	18/8	BN - 2366	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
6		THANH HOÁ	05/8	199	19/8	BN - 1879	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
7		CẦU ĐUỐNG	10/8	416	24/8	HD 2095	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
8		HÀ NAM NINH	11/8	567/6	25/8	BN 2225	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 21 THÁNG 08 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
9		HÀ NỘI	12/8	494	27/8	BN - 1079	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
10		CẦU ĐUỐNG	13/8	545	28/8	BN - 2189	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
11		CẦU ĐUỐNG	14/8	620	29/8	BN - 2308	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
12		CP ĐTTM&DV	15/8	644	30/8	HẢI ÂU 199	CỤC 1B	1 050		1 050		TD	
13		CP ĐTTM&DV	15/8	644	30/8	HẢI ÂU 199	CÁM 8A	1 050		1 050		TD	
14		NINH BÌNH	16/8	774	31/8	BN - 1666	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
15		HÀ NAM NINH	16/8	775B	31/8	BN - 2366	CÁM 8A	1 931		1 931		TD	
16		COALIMEX	19/8	806	31/8	HD 2225	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
17		CP VT&KD THAN	20/8	835	31/8	HP - 5915	CÁM 8A	2 000		2 000		TD	
18		CP SXTM THAN UÔNG BÍ	20/8	840	31/8	BN - 2368	CÁM 8A	1 500		1 500		TD	
19		CP DVVT QNINH	20/8	841	31/8	BN - 1829	CÁM 7C	1 600		1 600		TD	
20		COALIMEX	20/8	842	31/8	BN - 1758	CỤC 1C	1 000		1 000		TD	
III	**KHO BẢO NGUYÊN**							**3 436**	**3 429**	**7**			
	Tàu đã làm hàng							***3 436***	***3 429***	***7***			
1		ĐIỆN PHẢ LẠI		695/8		QN 4114	CÁM 5A.14	1 720	1 715	5	20/8		
2		ĐIỆN PHẢ LẠI		650/8		QN 4330	CÁM 5B.14	1 716	1 714	2	20/8		
	Tàu đã làm lệnh												
IV	**KHO CẢNG KM6**							**8 450**	**3 049**	**5 401**			
	Tàu đã làm hàng							***5 100***	***3 049***	***2 051***			
1		KDT HÀ BẮC	19/8	817	31/8	BN 1962	Cám 6b.1	1 010	1 009	1	19/8	CBPT	
2		XNK THAN VINACOMIN	20/8	836	31/8	QN 8318	Cám 5a.1	4 090	2 041	2 049	DỠ	CBPT	
	Tàu đã làm lệnh							***3 350***		***3 350***			
1		DV VT QUẢNG NINH	19/8	804	31/8	BN 1856	Don 8a	1 100		1 100		TD	
2		KDT HÀ BẮC	19/8	818	31/8	BN 1828	Cám 6b.1	2 250		2 250	"	CBPT	
V	**TÀU XUẤT KHẨU**							**28 025**	**17 797**	**10 228**			
	Tàu đã làm hàng							***28 025***	***17 797***	***10 228***			
1		NHẬT BẢN	11/08	4 570		MV SEA TOPAZ	CÁM 3B.1	28 025	17 797	10 228	DỠ		
	Tàu đã làm lệnh												
VI	**TÀU NHẬP KHẨU**			***ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH***				-	-	-			
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu đã làm lệnh												

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 21 THÁNG 08 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	